TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 18 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Lê Thanh L- Sinh năm: 1988. Trú tại: Số 402, S2 Khu chung cư T, đường Lê Văn L, quận S, thành phố Đ.

Bà Bùi Thị T- sinh năm 1988. Trú tại: Số 402, S2 Khu chung cư T, đường Lê Văn L, quận S, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2010, quyển số 02 tại UBND xã A, huyện L, tỉnh Q cấp ngày 18.6.2010. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Lê Thanh L trình bày ý kiến: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng

không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắng nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không những không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Xét về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương bà Bùi Thị T nữa nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng chúng tôi được thuận tình ly hôn.

- Ý kiến của bà Bùi Thị T: bà T thống nhất như lời trình bày của ông Lê Thanh L về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nơi ở sau khi kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống nên hay cãi vã, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắng nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không những không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Xét về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương ông L nữa nên yêu cầu Tòa án cho vợ chồng chúng tôi được thuận tình ly hôn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông L và bà T lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông L và bà T đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông L và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông L và bà T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: ông Lê Thanh Lvà bà Bùi Thị Txác định có 01 người con chung, tên là: Lê Anh T - sinh ngày 15.7.2010. Ly hôn, ông L và bà T thỏa thuận, thống nhất giao con Lê Anh T cho ông Lê Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà Bùi Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, Vợ chồng ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T khai không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T xác định không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000đồng ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, nhưng bà Bùi Thị T tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0007587 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T (*Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2010, quyển số 02 tại UBND xã A; huyện L, tỉnh Q cấp ngày 18.6.2010 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về nuôi con chung: ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T xác định có có 01 người con chung, tên là: Lê Anh T - sinh ngày 15.7.2010. Ly hôn, ông L và bà T thỏa thuận, thống nhất giao con Lê Anh T cho ông Lê Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà Bùi Thị T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ nợ chung: ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T khai không có nợ chung.

- Về tài sản chung: ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T xác định không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Lê Thanh L và bà Bùi Thị T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng, nhưng bà Bùi Thị T tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007587 ngày 04.01.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND xã A, huyện L, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG